

Bản án số: 268/2023/DS-ST  
Ngày: 29-6-2023  
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Phương Trang

2. Ông Phạm Văn Thanh

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2022/TLST-DS ngày 18/10/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, số 194 đường T, phường L, quận K, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn An T (Giấy ủy quyền số 1063/UQ-BIDV.BTN ngày 06/9/2022) (Có mặt).

**2. Bị đơn: Bà Trần Thụy Ngự T, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).**

Địa chỉ thường trú: số 21A đường T, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**I DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày: Ngày 17/8/2020, bà Trần Thụy Ngự T đã ký kết hợp đồng tín dụng số

01/2020/14246977/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B (Ngân hàng) vay số tiền 320.000.000 đồng; Mục đích vay: mua xe ô tô Nhãn hiệu Vinfast Fadil 1.4 AT, SX 2020. Biển số 51H-343.23; Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất cho vay: 7.6%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân lần đầu theo thông báo số 2264/BIDV.HTH-KHCN1 ngày 05/8/2020. Sau đó áp dụng Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng niêm yết tại BIDV Bình Tân, loại trả lãi sau cộng (+) biên độ 3.6%. Lãi suất cho vay không cao hơn trần, không thấp hơn sàn lãi suất cho vay theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên thì bà Trần Thụy Ngự T đã dùng tài sản của mình là xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Fadil màu trắng, số máy: LV7201040130, số khung: RPXCA2FACLV004172, biển số 51H-343.23, (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 590915 ngày 14/08/2020 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp) thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/14246977/HĐBĐ ngày 17/8/2020. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, bà Trần Thụy Ngự T đã giải ngân số tiền 320.000.000 đồng vào ngày 17/8/2020 để thanh toán tiền mua xe ô tô. Trong thời gian vay này bà Trần Thụy Ngự T đã thanh toán cho BIDV Bình Tân số tiền là 73.100.000 đồng tiền gốc và 44.560.907 đồng tiền lãi (tiền lãi được Công ty TNHH Kinh doanh và dịch vụ Vinfast hỗ trợ thanh toán cho khách hàng).

Kể từ ngày 07/02/2022, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và kể từ ngày 05/10/2022 bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đ (vi phạm điểm a, khoản 1, Điều 9 tại Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể: *“Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các nghĩa vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng”*). Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Trần Thụy Ngự T trả nợ vay ngân hàng nhưng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Do bà Trần Thụy Ngự T đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo các hợp đồng, văn bản đã ký kết nên căn cứ khoản 2, Điều 9 tại Điều khoản và Điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể: *“Khi Bên vay có bất kỳ vi phạm nào trên đây, Ngân hàng được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Bên vay không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ (bao gồm cả việc khởi kiện, phát mại tài sản của Bên vay đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng, kể cả thu hồi nợ trước hạn). Khi thực hiện, Ngân hàng sẽ có thông báo cho Bên vay”*, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà Trần Thụy Ngự T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí phạt theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD ký ngày 17/08/2020 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/8/2022 là 249.451.350đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi một nghìn ba trăm năm mươi đồng), nợ lãi cộng dồn: 2.179.227đ (Hai triệu một trăm bảy

mười chín nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng), lãi phạt quá hạn: 372.123đ (Ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Trường hợp bà Trần Thụy Ngự T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu phát mãi ngay toàn bộ tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp số tiền phát mãi/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì bà T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi tất toán toàn bộ nợ vay.

*Bị đơn bà Trần Thụy Ngự T:* Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bà T vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa:*

- Ngân hàng TMCP Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu lãi phạt quá hạn: 372.123đ (Ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm hai mươi ba đồng). Yêu cầu bị đơn phải trả số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023 là 271.745.955đ (Hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 246.900.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn (nợ lãi cộng dồn) là 24.845.955đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD ký ngày 17/08/2020.

Đối với tài sản thế chấp: Nếu bà Trần Thụy Ngự T trả đủ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có nghĩa vụ giao trả hồ sơ pháp lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký cho bà Trần Thụy Ngự T. Trường hợp, bà Trần Thụy Ngự T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: Thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, Thông báo tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Chưa đảm bảo thời hạn theo qui định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD ngày 17/8/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B và bà Trần Thụy Ngự T thấy bà Trần Thụy Ngự T

vay của ngân hàng số tiền 320.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tính đến ngày 29/6/2023 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 271.745.955 đồng (trong đó nợ gốc 246.900.000 đồng, nợ lãi: 24.845.955 đồng). Do đó, việc Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu buộc bà Trần Thụy Ngự T thanh toán số tiền nợ gốc và lãi nêu trên, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, là có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền lãi phạt quá hạn do nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 9 của Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/14246977/HĐBĐ ngày 17/8/2020 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cho vay tín dụng” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Trần Thụy Ngự T trả số tiền vay và lãi đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD ngày 17/8/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023 tổng số tiền là 271.745.955đ (Hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 246.900.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn (nợ lãi cộng dồn) là 24.845.955đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ bà T để tham gia tố tụng nhưng bà Thụy vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như bà T tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết vụ án.

Theo tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì ngày 17/8/2020 bị đơn bà Trần Thụy Ngự T ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD để vay của Ngân hàng số tiền 320.000.000 đồng; Mục đích vay: mua xe ô tô Nhãn hiệu Vinfast Fadil 1.4 AT,SX 2020. Biển số 51H-343.23; Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân, hai bên thống nhất ngày giải ngân là 17/8/2020, ngày đáo hạn là 17/8/2028; Lãi suất cho vay: 7.6%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân lần đầu theo thông báo số 2264/BIDV.HTH-KHCN1 ngày 05/8/2020. Sau đó áp dụng Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng niêm yết tại BIDV Bình Tân, loại trả lãi sau cộng (+) biên độ 3.6%. Lãi suất cho vay không cao hơn trần, không thấp hơn sàn lãi suất cho vay theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho bà T theo Bảng kê rút vốn ngày 17/8/2020 đúng thời hạn ghi trong hợp đồng. Từ khi giải ngân đến nay bà T chỉ trả số tiền gốc là 73.100.000 đồng và tiền lãi 44.560.907 đồng (tiền lãi được Công ty TNHH Kinh doanh và dịch vụ Vinfast hỗ trợ thanh toán cho khách hàng), kể từ ngày 05/10/2022 bà T không trả thêm bất kỳ khoản nợ gốc cũng như lãi nào cho Ngân hàng.

Như vậy, việc bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho BIDV tại Mục 7 Hợp đồng tín dụng và toàn bộ số nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 tại Điều khoản và Điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay và lãi đối với khoản vay trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023 tổng số tiền là 271.745.955đ (Hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 246.900.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn (nợ lãi cộng dồn) là 24.845.955đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Yêu cầu đối với tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/14246977/HĐBĐ ngày 17/8/2020 do bà Trần Thụy Ngự T ký thế chấp tài sản là xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Fadil màu trắng, số máy: LV7201040130, số khung: RPXCA2FACLV004172, biển số 51H-343.23 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 590915 ngày 14/08/2020 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp) đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Bị đơn bà Trần Thụy Ngự T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án trong trường hợp bà Trần Thụy Ngự T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn, tiền lãi đối với khoản vay trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu tính lãi: Xét việc Ngân hàng TMCP Đ tính các khoản lãi và lãi quá hạn dựa vào sự thỏa thuận đối với khách hàng phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

[2.4]. Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán trong một thời gian dài nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Nguyên đơn không đồng ý chịu mà yêu cầu bị đơn phải chịu. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thụy Ngự T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên bà Trần Thụy Ngự T phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ mà nguyên đơn đã tạm ứng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[3]. Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ rút yêu cầu trả lãi phạt quá hạn số tiền là 372.123đ (Ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm hai mươi ba đồng) đối với bà Trần Thụy Ngự T. Việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trên.

[4]. Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên Tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thụy Ngự T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 117, Điều 319 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc bà Trần Thụy Ngự T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/6/2023 là 271.745.955đ (Hai trăm bảy mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng); trong đó nợ gốc 246.900.000đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn (nợ lãi cộng dồn) là 24.845.955đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD ký ngày 17/08/2020. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thụy Ngự T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14246977/HĐTD ngày 17/08/2020.

Nếu bà Trần Thụy Ngự T trả đủ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có nghĩa vụ giao trả hồ sơ pháp lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/14246977/HĐBĐ ngày 17/8/2020 cho bà Trần Thụy Ngự T.

Trường hợp, bà Trần Thụy Ngự T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast Fadil màu trắng, số máy: LV7201040130, số khung: RPXCA2FACLV004172, biển số 51H-343.23 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 590915 ngày 14/08/2020 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp để thi hành án.

1.2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thụy Ngự T trả lãi phạt quá hạn số tiền 372.123đ (Ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thụy Ngự T phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Về án phí: bà Trần Thụy Ngự T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.587.298đ (Mười ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi tám đồng). Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.236.284đ (Sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0009732 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Hạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Giang**

**Lê Thị Tý**

**Nguyễn Ngọc Hạnh**

